

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST

Ngày 16/6/2025

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Điệp

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Quy và bà Trần Thị Liên

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Công – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, tại Nhà văn hóa khu N1, TT N, huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 74/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Nam Q, sinh ngày 19/11/1998; Số căn cước công dân: 030198011096 do Bộ C1 cấp ngày 02/7/2024; Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Q: Chị Vũ Thị C, sinh năm 1990 ; Địa chỉ : Khu dân cư T, phường Đ, TP C, tỉnh Hải Dương. (Giấy Ủy quyền ngày 04/4/2025 và 17/4/2025 về việc giao nhận tài liệu, giải quyết việc tranh chấp nuôi con chung và tài sản (nếu có))

- *Bị đơn:* Anh Trần Quang T, sinh ngày 06/11/1994; Số căn cước công dân: 030094009153 do Cục trưởng cục Cảnh sát quản lý hành chính và trật tự xã hội cấp ngày 10/8/2021. Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều đề nghị vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Bà Phạm Thị N, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương

+ Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1966 và ông Trần Quang T2, sinh năm 1961; Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị chị Q trình bày:

Chị Phạm Thị Nam Q và anh Trần Quang T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 13/03/2017. Sau khi kết hôn, chị Q và anh T chung sống cùng nhau tại nhà bố mẹ đẻ của anh T ở thôn Đ, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến khoảng tháng 11/2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống, trong cách chăm sóc và dạy dỗ con cái cũng như mâu thuẫn nhau về mặt kinh tế dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, căng thẳng trong gia đình. Tháng 6/2024, chị Q đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở cùng thôn tại thôn Đ, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương sinh sống và sống ly thân nhau từ đó đến nay. Vì vậy, chị Q làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương giải quyết cho chị Q được ly hôn với anh T để sớm ổn định cuộc sống hai bên. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Trần Thảo M, sinh ngày 11/11/2017. Chị Q đề nghị được nuôi dưỡng và chăm sóc con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Trường hợp con chung đã trên 7 tuổi nếu con có nguyện vọng ở với ai thì chị tôn trọng quyết định của con, con ở với anh T thì chị sẽ cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh T mỗi một tháng là 2.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung và công sức: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, Biên bản lấy lời khai anh T thể hiện: Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Q kết hôn ngày 13/3/2017. Trước khi kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A. Sau khi cưới, chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa anh chị bất đồng về quan điểm sống. Cụ thể, chị Q đòi anh chạy cho đi thực tập sinh Nhật Bản làm ăn. Nhưng quan điểm của anh chỉ đi 3 năm theo hợp đồng. Nhưng chị Q không nghe, hết thời hạn 3 năm không về dẫn đến mâu thuẫn. Khoảng tháng 6/2024, chị Q về nước và không về gia đình anh ở cùng anh và con mà sang nhà bố mẹ đẻ chị Q để ở. Sau đó, anh có nhắn tin bảo chị Q về nhưng không về. Gia đình hai bên khuyên giải nhưng cũng không được và vợ chồng ly thân từ đó tới giờ. Do chị Q cương quyết không về nên anh cũng không sang đón về. Nay anh không đồng ý ly hôn với lý do anh muốn có đầy đủ cả bố lẫn mẹ và anh vẫn còn một chút tình cảm với chị Q mặc dù vợ chồng không sinh hoạt mấy năm nay. Nếu chị Q kiên quyết ly hôn thì anh cũng chấp nhận và đề

ngợi Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Thảo M, sinh ngày 11/11/2017. Anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về con. Trường hợp phải ly hôn, anh đề nghị Tòa án cho anh được tiếp tục nuôi con vì con đang ở với anh. Anh không nhất trí để chị Q nuôi dưỡng vì chị Q không quan tâm, chăm sóc con bằng anh. Khi nuôi con anh nhất trí việc chị Q cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng. Anh hiện làm kỹ thuật tại công ty TNHH C2. Thu nhập khoảng 14.000.000đ/tháng đủ để bố con anh sinh sống. Về chỗ ở: bố mẹ anh có chỗ ở rộng rãi cho bố con anh. Ngoài ra, ông bà còn đang xây mới một ngôi nhà khác cho bố con anh ở riêng. Về tài sản: Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết. Anh xin vắng mặt tại phiên tòa.

- *Biên bản lấy lời khai bà Phạm Thị N (mẹ đẻ chị Q):* Hoàn cảnh kết hôn và nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn giống chị Q trình bày: Kể từ khi ly thân chị Q về nhà bà ở. Anh T và gia đình chồng thường xuyên ngăn cản việc chị Q thăm con, đón con về chơi. Bà và gia đình cũng đã khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện. Kể từ đó, anh T cũng không qua lại nhà bà, hai bên thông gia cũng không còn qua lại nữa. Nếu chị Q, anh T tiếp tục chung sống cùng nhau thì cũng không thể có hạnh phúc vì đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn. Nay chị Q kiên quyết xin ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Q ly hôn để chị Q ổn định cuộc sống. Chị Q, anh T có 01 con chung là Trần Thảo M sinh ngày 11/11/2017. Hiện cháu đang ở với anh T. Nếu anh T không nuôi thì bà đề nghị giao cháu M cho chị Q nuôi dưỡng. Bà sẽ hỗ trợ chị Q chăm sóc con khi chị Q đi làm. Nhà bà nhà cửa rộng rãi, thoáng mát, gia đình bà cho mẹ con chị Q ở lâu dài.

- *Biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị T1 và ông Trần Quang T2(bố mẹ đẻ anh T):* Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Trần Quang T và là bố mẹ chồng chị Phan Thị Nam Q1. Trước khi kết hôn, chị Q1 và anh T được người thân giới thiệu. Sau đó, tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã A. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, được một thời gian thì vợ chồng thống nhất để chị Q1 đi xuất khẩu lao động 03 năm. Thời gian đi khoảng năm 2019, 2020. Khi chị Q1 về chơi, vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn với nhau. Chị Q1 không về nhà ông bà ở mà về thẳng nhà mẹ đẻ ở. Không quan tâm đến chồng con và gia đình. Việc mâu thuẫn là do vợ chồng không thống nhất được về việc làm ăn, kinh tế, gia đình hai bên khuyên giải nhưng không được. Nay chị Q1 và anh T không còn chung sống cùng nhau. Con gái và anh T ở với ông bà, còn chị Q1 ở với mẹ đẻ cùng thôn. Chị Q1 có nhiều lời nói xúc phạm gia đình chồng. Khi đến đón con, thăm con, chị Q1 không biết ơn gia đình chồng nuôi con, chạy cho chị Q1 đi nước ngoài. Nay chị Q1 xin ly hôn,

việc ly hôn do chị Q1 và anh T quyết định nhưng ông bà chỉ muốn chị Q1 suy nghĩ lại, vì con mà quay lại cho con có đủ cả bố lẫn mẹ. Chị Q1, anh T có 01 con chung là cháu Trần Thảo M. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông bà đề nghị Tòa án cho anh T tiếp tục nuôi con. Nhà ông bà đang xây dựng, nhà cửa rộng rãi, ông bà cho bố con anh T ở lâu dài và sau này cũng cho các con, các cháu.

- *Bản ý kiến về nguyện vọng của cháu Trần Thảo M sinh ngày 11/11/2017 thể hiện:* Cháu hiện đang học lớp 2C trường tiểu học A. Cháu M hiện đang ở với anh T, khi bố mẹ ly hôn cháu M có nguyện vọng tiếp tục ở với bố là Trần Quang T.

- *Tại biên bản xác minh UBND xã A, trưởng thôn Đa Đình thể hiện:* Chị Q1 và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 13/03/2017. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nhau nhưng mâu thuẫn cụ thể địa phương không nắm được. Hiện tại chị Q1 đã về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn nhiều năm nay còn cháu M và anh T ở nhà bố mẹ đẻ anh T. Nay, chị Q1 làm đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách trình bày việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Các đương sự đều chấp hành quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết: Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Nam Q; Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Phạm Thị Nam Q được ly hôn anh Trần Quang T; Về con chung: Giao cháu Trần Thảo M, sinh ngày 11/11/2017 cho anh Trần Quang T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác, Chị Q được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản: Không phải

giải quyết; Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Q có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nam Sách giải quyết việc hôn nhân của chị với anh Trần Quang T; anh T có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, chị Q xin vắng mặt tại phiên họp về việc tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và đề nghị vắng mặt tại phiên tòa. Chị Q ủy quyền cho chị C giao nộp tài liệu, giải quyết về vấn đề con chung và tài sản. Anh T, chị C xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền là phù hợp với Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Nam Q và anh Trần Quang T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 13/03/2017. Như vậy, việc kết hôn giữa chị Q và anh T là hợp pháp và được Nhà nước công nhận.

Sau khi kết hôn, chị Q và anh T chung sống cùng nhau tại nhà bố mẹ đẻ của anh T ở thôn Đ, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương. Anh T, chị Q và những người làm chứng đều thống nhất trình bày: Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến khoảng tháng 11/2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống, trong cách chăm sóc và dạy dỗ con cái cũng như mâu thuẫn nhau về mặt kinh tế dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, căng thẳng trong gia đình. Tháng 6/2024, chị Q đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở cùng thôn tại thôn Đ, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương sinh sống và sống ly thân nhau từ đó đến nay. Anh T xác định vẫn còn tình cảm với chị Q, không đồng ý ly hôn vì muốn con cái có đầy đủ bố mẹ nhưng cũng không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng và xác định nếu chị Q vẫn kiên quyết xin ly hôn thì anh đồng ý. Như vậy, mối quan hệ vợ chồng giữa chị Q và anh T đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, giữa hai vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Q được ly hôn anh T.

[4] Về quan hệ con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Trần Thảo M,

sinh ngày 11/11/2017. Chị Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, tuy nhiên nếu cháu có nguyện vọng ở với anh T thì chị Q cũng đồng ý và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh T là 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Cháu M có nguyện vọng muốn tiếp tục được ở với anh T. Anh T cũng có quan điểm muốn tiếp tục nuôi dưỡng cháu M vì cháu M hiện đang ở với anh, anh đồng ý việc chị Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng. HĐXX, xét thấy, cháu M đang ở với anh T ổn định, anh T đủ thu nhập đủ để bố con anh sinh sống và bố mẹ anh T có chỗ ở rộng rãi, lâu dài cho anh T và cháu M nên cần thiết giao cháu M cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Q cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng cho anh T phù hợp quy định tại Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Chị Q, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Q xin ly hôn nên phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Nam Q

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Phạm Thị Nam Q được ly hôn anh Trần Quang T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thảo M, sinh ngày 11/11/2017 cho anh Trần Quang T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 6/2025 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Chị Q được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật anh T có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền trên mà chị Q không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự.

3. Án phí: Chị Q phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/24 số 0000405 ngày 11 tháng 4 năm 2025. Chị Q còn phải nộp 300.000đ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Sách;
- Đương sự;
- UBND xã An Bình, h Nam Sách, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THA DS huyện Nam Sách;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Diệp

